

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN - VÀO ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ HS TRÊN PHẦN MỀM SMAS

Năm học: 2025-2026

TT	Họ và tên	Tổ bộ môn	Dạy lớp	Vào điểm, đánh giá, nhận xét HS GHK và CHK
1	Bùi Thị Hào	ANH - CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ	Tiếng Anh: 8a1, 8a2, 8a5, 9a4, 9a3	Tiếng Anh: 8a1, 8a2, 8a5, 9a4, 9a3
2	Thái Thị Ngọc Lan	ANH - CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ	Tiếng Anh: 6A4, 9a2, 7a4, 6A3, 9a1, 6A1	Tiếng Anh: 6A4, 9a2, 7a4, 6A3, 9a1, 6A1
3	Trần Thị Thanh Loan	ANH - CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ	Tiếng Anh: 6A2, 6A5, 7a1, 7a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A2	Tiếng Anh: 6A2, 6A5, 7a1, 7a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A2
4	Lê Thị Kim Phương	ANH - CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ	Tiếng Anh: 7a5, 7a3, 8a3, 8a4 HĐ TN, hướng nghiệp: 7a5	Tiếng Anh: 7a5, 7a3, 8a3, 8a4 HĐ TN, hướng nghiệp: 7a5
5	Vũ Thị Tuyết	ANH - CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ	Công nghệ: 8a2, 9a1, 9a3, 8a5, 8a3, 8a4, 9a4, 9a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 9a3	Công nghệ: 8a2, 9a1, 9a3, 8a5, 8a3, 8a4, 9a4, 9a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 9a3
6	Tạ Công Lâm Quốc Bảo	KHTN-GDTC	Khoa học Tự nhiên: 6A2, 8a2	
7	Ngô Thị Thanh Bình	KHTN-GDTC	Giáo dục địa phương: 8a5, 8a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 8a1 Khoa học Tự nhiên: 8a3, 8a1, 6A2, 8a4, 8a5, 8a2, 6A1	Giáo dục địa phương: 8a5, 8a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 8a1 Khoa học Tự nhiên: 8a1, 8a4, 8a5.
8	Lê Hải Châu	KHTN-GDTC	Giáo dục thể chất: 9a4	Giáo dục thể chất: 9a4
9	Dương Thị Hoa	KHTN-GDTC	Khoa học Tự nhiên: 6A5, 9a4, 6A1, 6A4, 9a3, 6A3, 9a2, 9a1 HĐ TN, hướng nghiệp: 9a4	Khoa học Tự nhiên: 9a1, 9a2, 9a4 HĐ TN, hướng nghiệp: 9a4
10	Nguyễn Xuân Hòa	KHTN-GDTC	Công nghệ: 7a2, 7a3, 7a4, 7a5 Khoa học Tự nhiên: 7a4, 7a5, 7a1, 7a2, 7a3 Giáo dục thể chất: 7a2, 7a1	Công nghệ: 7a2, 7a3, 7a4, 7a5 Khoa học Tự nhiên: 7a4, 7a5. Giáo dục thể chất: 7a2, 7a1

TT	Họ và tên	Tổ bộ môn	Dạy lớp	Vào điểm, đánh giá, nhận xét HS GHK và CHK
11	Nguyễn Văn Hùng	KHTN-GDTC	Khoa học Tự nhiên: 9a1, 6A4, 7a4, 9a2, 7a2, 7a3, 7a5, 6A5, 6A3, 7a1 Giáo dục địa phương: 9a1 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A3	Khoa học Tự nhiên: 6a3, 6a4 Giáo dục địa phương: 9a1 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A3
12	Hồ Thị Hồng Phú	KHTN-GDTC	Giáo dục thể chất: 6A3, 7a4, 7a5, 6A4, 6A2, 6A5, 6A1, 7a3 Giáo dục địa phương: 6A1, 6A2	Giáo dục thể chất: 6A3, 7a4, 7a5, 6A4, 6A2, 6A5, 6A1, 7a3 Giáo dục địa phương: 6A1, 6A2
13	Nguyễn Thanh Tân	KHTN-GDTC	Giáo dục thể chất: 8a1, 8a4, 9a1, 9a2, 8a2, 9a3, 8a3, 8a5 Giáo dục địa phương: 9a4, 9a3	Giáo dục thể chất: 8a1, 8a4, 9a1, 9a2, 8a2, 9a3, 8a3, 8a5 Giáo dục địa phương: 9a4, 9a3
14	Lê Thị Thanh	KHTN-GDTC	Công nghệ: 6A1, 7a1, 6A4, 6A2, 6A3, 6A5 Khoa học Tự nhiên: 9a3, 8a5, 8a3, 9a4, 8a2, 8a4, 8a1	Công nghệ: 6A1, 7a1, 6A4, 6A2, 6A3, 6A5 Khoa học Tự nhiên: 8a2, 8a3, 9a3.
15	Dương Thị Thu Thủy	KHTN-GDTC	Khoa học Tự nhiên: 7a1, 7a3, 8a3, 8a5, 7a5, 8a1, 8a4, 7a4, 7a2 Công nghệ: 8a1 HĐ TN, hướng nghiệp: 7a4	Khoa học Tự nhiên: 7a1, 7a2, 7a3. Công nghệ: 8a1 HĐ TN, hướng nghiệp: 7a4
16	Trương Thị Anh Trâm	KHTN-GDTC	Khoa học Tự nhiên: 6A4, 9a2, 6A3, 6A5, 9a3, 6A2, 6A1, 9a1, 9a4 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A5	Khoa học Tự nhiên: 6a1, 6a2, 6a5 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A5
17	Lê Xuân Cần	SỬ - ĐỊA - GD CD	Lịch sử và Địa lí: 8a3, 7a4, 6A4, 6A3, 8a5, 7a5 GD CD: 6A1, 6A3 Giáo dục địa phương: 6A3 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A4	Lịch sử và Địa lí: 8a3, 8a5, 7a4, 7a5 GD CD: 6A1, 6A3 Giáo dục địa phương: 6A3 HĐ TN, hướng nghiệp: 6A4
18	Hoàng Văn Đông	SỬ - ĐỊA - GD CD	Lịch sử và Địa lí: 9a3, 9a4	
19	Dương Thị Giang	SỬ - ĐỊA - GD CD	GD CD: 9a1, 9a2, 8a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 8a2 Lịch sử và Địa lí: 8a2, 9a2, 7a1, 7a3, 9a1, 7a2	GD CD: 9a1, 9a2, 8a2 HĐ TN, hướng nghiệp: 8a2 Lịch sử và Địa lí: 8a2, 7a1, 7a2, 7a3.
20	Nguyễn Thị Hoàn	SỬ - ĐỊA - GD CD	Lịch sử và Địa lí: 8a4, 9a1, 8a1, 8a2, 8a3, 8a5, 9a2, 9a3, 9a4	Lịch sử và Địa lí: 9a1, 9a2, 9a3, 9a4
21	Nguyễn Thị Thương	SỬ - ĐỊA - GD CD	Lịch sử và Địa lí: 7a1, 6A5, 7a4, 7a2, 7a5, 6A3, 6A1, 6A2, 6A4, 7a3 Giáo dục địa phương: 7a2, 7a1, 9a2	Lịch sử và Địa lí: 6A1, 6A2, 6A3, 6a4 Giáo dục địa phương: 7a2, 7a1, 9a2

TT	Họ và tên	Tổ bộ môn	Dạy lớp	Vào điểm, đánh giá, nhận xét HS GHK và CHK
22	Quách Xuân Thủy	SỬ - ĐỊA - GD	GD: 7a1, 8a1, 8a3, 7a3, 7a5, 9a3, 8a4, 7a4, 7a2, 8a5, 9a4 Lịch sử và Địa lí: 6A2, 6A1, 8a1, 6A5, 8a4 Giáo dục địa phương: 8a4	GD: 7a1, 8a1, 8a3, 7a3, 7a5, 9a3, 8a4, 7a4, 7a2, 8a5, 9a4 Lịch sử và Địa lí: 6A5, 8a1, 8a4 Giáo dục địa phương: 8a4
23	Nguyễn Ngọc Dũng	TOÁN TIN	Toán: 9a1, 6A5, 9a2 HD TN, hướng nghiệp: 9a1	Toán: 9a1, 6A5, 9a2 HD TN, hướng nghiệp: 9a1
24	Đặng Thị Thanh Hằng	TOÁN TIN	Toán: 6A3, 7a1, 6A4, 7a2 Giáo dục địa phương: 6A4, 6A	Toán: 6A3, 7a1, 6A4, 7a2 Giáo dục địa phương: 6A4, 6A5
25	Phạm Thị Khánh Hồng	TOÁN TIN	Toán: 6A1, 9a4, 6A2, 9a3	Toán: 6A1, 9a4, 6A2, 9a3
26	Nguyễn Tá Hùng	TOÁN TIN	Toán: 8a3	Toán: 8a3
27	H Mion Niê	TOÁN TIN	Toán: 8a5, 8a4, 7a3 HD TN, hướng nghiệp: 8a4	Toán: 8a5, 8a4, 7a3 HD TN, hướng nghiệp: 8a4
28	Nguyễn Đình Sang	TOÁN TIN	Tin học: 7a4, 9a3, 8a4, 7a1, 8a5, 7a3, 7a2, 9a2, 7a5, 9a1, 9a4 HD TN, hướng nghiệp: 7a1	Tin học: 7a4, 9a3, 8a4, 7a1, 8a5, 7a3, 7a2, 9a2, 7a5, 9a1, 9a4 HD TN, hướng nghiệp: 7a1
29	Đoàn Minh Thành	TOÁN TIN	Tin học: 6A3, 6A1, 8a1, 6A4, 6A5, 8a2, 8a3, 6A2	Tin học: 6A3, 6A1, 8a1, 6A4, 6A5, 8a2, 8a3, 6A2
30	Trần Quốc Toàn	TOÁN TIN	Giáo dục địa phương: 8a3, 8a1 Toán: 7a4, 7a5, 8a2, 8a1	Giáo dục địa phương: 8a3, 8a1 Toán: 7a4, 7a5, 8a2, 8a1
31	Trịnh Thị Bến	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	GD: 6A2, 6A4, 6A5 Ngữ Văn: 6A5, 9a3, 9a4	GD: 6A2, 6A4, 6A5 Ngữ Văn: 6A5, 9a3, 9a4
32	Dương Thị Bích Hiền	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Ngữ Văn: 7a1, 7a2, 6A1 HD TN, hướng nghiệp: 9a2	Ngữ Văn: 7a1, 7a2, 6A1 HD TN, hướng nghiệp: 9a2
33	Trương Văn Hiệp	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Ngữ Văn: 8a1, 7a4, 7a5, 8a2 Giáo dục địa phương: 7a5, 7a3, 7a4	Ngữ Văn: 8a1, 7a4, 7a5, 8a2 Giáo dục địa phương: 7a5, 7a3, 7a4
34	Lê Thị Hương	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Ngữ Văn: 6A3, 6A4, 8a3 HD TN, hướng nghiệp: 8a3	Ngữ Văn: 6A3, 6A4, 8a3 HD TN, hướng nghiệp: 8a3
35	Nguyễn Thị Thu Hương	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Nghệ Thuật: 8a4, 6A5, 6A1, 6A2, 8a3, 8a2, 8a1, 6A3, 8a5, 6A4 HD TN, hướng nghiệp: 8a5	Nghệ Thuật: 8a1, 8a2, 8a3, 8a4, 8a5, 6a1, 6a2 HD TN, hướng nghiệp: 8a5
36	Nguyễn Thị Ngọc Liên	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Nghệ Thuật: 7a1, 7a2, 7a4, 9a1, 7a5, 7a3, 9a3, 9a2, 9a4 HD TN, hướng nghiệp: 7a2	Nghệ Thuật: 9a1, 9a2, 9a3, 9a4, 7a1, 7a2, 7a3 HD TN, hướng nghiệp: 7a2
37	Lê Thị Nga	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Nghệ Thuật: 6A1, 8a5, 6A5, 7a2, 8a3, 9a3, 9a4, 8a2, 8a1, 9a1, 6A3, 7a1, 7a5, 7a3, 6A4, 6A2, 9a2, 8a4, 7a4	Nghệ Thuật: 7a4, 7a5, 6a3, 6a4, 6a5

TT	Họ và tên	Tổ bộ môn	Dạy lớp	Vào điểm, đánh giá, nhận xét HS GHK và CHK
38	Đào Thị Phương	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Ngữ Văn: 6A2, 9a2, 9a1 HĐ TN, hướng nghiệp: 9a2	Ngữ Văn: 6A2, 9a2, 9a1 HĐ TN, hướng nghiệp: 9a2
39	Võ Đình Tuấn	TỔ VĂN-NGHỆ THUẬT	Ngữ Văn: 8a4, 8a5, 7a3 HĐ TN, hướng nghiệp: 7a3	Ngữ Văn: 8a4, 8a5, 7a3 HĐ TN, hướng nghiệp: 7a3

P. HIỆU TRƯỞNG



Tạ Công Lâm Quốc Bảo